

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/LĐ-PT

Ngày: 17/5/2021

V/v Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải; Bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu

Các Thẩm phán:

Bà Ngô N Phi

Ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải; Bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2021/LĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2021/QĐXXPT-LĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐ-PT ngày 20/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn N (T), sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ 15, khóm Đ, phường T, thành phố X, tỉnh A. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1954 - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước
- Sở Tư pháp tỉnh A. (Có mặt)

- Ông Đinh Quang K, sinh năm 1956 - Văn phòng Luật sư Tiến V - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. Địa chỉ: Số 595/15, đường H, phường Đ, TP X, tỉnh A. (Có mặt)

- Ông Trần Đức N, sinh năm 1951 - Văn phòng Luật sư Trần Đức N - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. Địa chỉ: Số 46/3 đường C, thành phố X, tỉnh A. (Có mặt)

- Ông Phạm Thành Đ, sinh năm 1956 - Văn phòng luật sư Y - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. Địa chỉ: Số 09 đường T, phường L, thành phố X, tỉnh A. (Có mặt)

- Ông Lê Xuân T, sinh năm 1977 - Văn phòng luật sư T - Thuộc Đoàn luật sư thành phố M. Địa chỉ: Số 208, đường L, Phường 17, quận V, thành phố M. (Có mặt)

- Ông Trương Vinh Q, sinh năm 1967 - Văn phòng luật sư T - Thuộc Đoàn luật sư thành phố M. Địa chỉ: Số 208, đường L, Phường 17, quận V, thành phố M. (Có mặt)

2. Bị đơn: Trường Chính trị Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Ngọc T - Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ.

Địa chỉ: Số 53/9 đường Đ, phường T, thành phố X, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hứa Hoàng C, sinh năm 1956; nơi cư trú: Số 16D đường Đ, phường B, thành phố X, tỉnh A (theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2020). (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Lê Văn N là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:

Chấp hành theo Quyết định số: 47/QĐ-BTCQ ngày 02/3/1995 của Ban Tổ chức chính quyền tỉnh A, ngày 08/5/1995 ông đến Trường Chính trị Đ tỉnh A nhận nhiệm vụ, được Hiệu trưởng Trường tiếp nhận và phân công về phòng giáo viên sau là Khoa Nhà nước và Pháp luật làm việc. Vị trí, nhiệm vụ làm việc là giáo viên sau là giảng viên dạy bộ môn Nhà nước và Pháp luật.

Từ ngày 08/5/1995 cho đến ngày 24/12/2008, ông làm việc bình thường mà không có bất kỳ vi phạm kỷ luật nào và mọi nhiệm vụ được giao đều hoàn thành tốt, trong công tác ông được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, được tặng nhiều giấy khen, bằng khen.

Đến ngày 01/10/2008, Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A đơn phương cho ông thôi giảng dạy tất cả các lớp do trường mở tại các huyện, thị, thành, sở, ban, ngành của tỉnh A bằng quyết định miêng.

Đến ngày 01/4/2009, Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A đơn phương cho ông thôi giảng dạy tất cả các lớp mở tại Trường Chính trị Đ tỉnh A bằng

quyết định miệng mà không hề có bất cứ lời giải thích chính đáng theo đúng quy định của pháp luật.

Trong thời gian này ông vẫn đi làm bình thường ngày 02 buổi đến Trường Chính trị Đ trong suốt 93 tháng và Trường không bố trí lại công tác cho ông, không cho đi thực tế nhưng Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A vẫn cứ trừ nghĩa vụ giảng dạy, đi thực tế 300 giờ/năm (từ 2009 - 2012). Cùng lúc Hiệu trưởng Trường không thực hiện chế độ 45% ưu đãi cho ông trong khi tất cả các giảng viên của Trường đều được hưởng chế độ ưu đãi ngành từ năm 2005 đến nay. Về lương hàng tháng, Hiệu trưởng Trường chỉ chi 50% lương chính (từ 2009 - 2012), không thực hiện chế độ lên lương, thâm niên cho ông từ năm 2013 - 2014, không thực hiện chế độ phép năm từ 2008 - 2015 (trừ năm 2012). Trước đó, Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A không thanh toán tiền làm đề thi và đáp án tất cả các lớp cho ông từ năm 2000 - 2009.

Năm 2014, Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A không cho ông tham gia tất cả các hoạt động của Trường nhưng Hiệu trưởng lại ký ban hành Thông báo số: 20/TB-TCT.TĐT ngày 20/01/2015 về việc thông báo kết quả đánh giá xếp loại công chức viên chức năm 2014 cho rằng ông không hoàn thành nhiệm vụ là bịa đặt, vu khống trắng trợn nên năm 2014 ông không hoàn thành nhiệm vụ là không có căn cứ.

Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A ban hành Công văn số: 17/TCTTĐT ngày 11/8/2009 gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy A đề nghị thôi học lớp cao cấp lý luận chính trị hành chính tại chức đối với ông do có nhiều sai phạm, bị kỷ luật cảnh cáo. Điều này Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A bịa đặt và không có căn cứ do về đảng viên cho đến thời điểm hết ngày 18/9/2009, ông chưa có bất cứ kỷ luật cảnh cáo nào, còn về viên chức (giảng viên) từ 1981 đến hết ngày 30/3/2015 ông hoàn toàn không có bất cứ hình thức kỷ luật nào.

Việc Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A cho ông thôi giảng dạy với 02 quyết định miệng cùng lúc, thực hiện hàng loạt hành vi đã nêu trên là trái Hiến Pháp, Bộ luật Lao động, Luật Viên chức và Luật Việc làm đã gây hậu quả rất nghiêm trọng về vật chất, lẫn tinh thần cho nên đẩy ông và gia đình lâm vào tình trạng cực kỳ khó khăn, cuộc sống đảo lộn.

Quyết định số: 141/QĐ.TCT ngày 25/5/2015 của Trường Chính trị Đ không thực hiện các trình tự thủ tục trước khi ban hành Quyết định, ngoài ra ông không có nhu cầu xin thôi việc nên việc Trường Chính trị Đ ban hành hành Quyết định là không có căn cứ. Bên cạnh đó, đã thay đổi hình thức kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng bằng hình thức cảnh cáo nên ông vẫn là Đảng viên nhưng Trường Chính trị Đ dẫn chiếu Quyết định số: 286 ngày 03/02/2010 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia là không phù hợp.

Mặt khác, Trường Chính trị Đ căn cứ cuộc họp mở rộng Đảng ủy ngày 18/5/2015 và Kết luận cuộc họp ngày 22/5/2015 là trái thẩm quyền, vì đây là công việc thẩm quyền của Hội đồng kỷ luật của Trường, việc Trường cho ông thôi việc khi đang điều trị bệnh là trái quy định của pháp luật. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu:

1. Xác định Trường Chính trị Đ đình chỉ công việc giảng dạy và đình chỉ công việc giảng viên với ông là trái pháp luật và sai về trình tự thủ tục, đình chỉ công việc.

2. Hủy bỏ và tuyên vô hiệu Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT ngày 25/5/2015 vì sa thải người lao động trái pháp luật và vô hiệu Thông báo số: 37/TB.TCTTĐT ngày 07/4/2014 của Trường Chính trị Đ tỉnh A vì không có giá trị pháp lý.

3. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A nhận ông trở lại làm việc căn cứ Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012.

4. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải trả lại tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế từ ngày 01/6/2015 đến nay (21 tháng) tiền lương, phụ cấp lương. Với tổng số tiền 265.205.270 đồng.

5. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A bồi thường thu nhập thực tế bị mất từ giảng dạy đối với các lớp theo chế độ vượt giờ và đối với các lớp theo hợp đồng, từ ngày 01/10/2008 đến tháng 01/2017. Với số tiền 1.246.666.666 đồng.

6. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải bồi thường 45% về chế độ phụ cấp ưu đãi với nhà giáo cho ông từ ngày 01/10/2008 đến tháng 01/2017 với số tiền 250.191.900 đồng và buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A khắc phục mọi hậu quả về việc thực hiện không đầy đủ 45% về chế độ phụ cấp ưu đãi nhà giáo. Đồng thời, khôi phục 45% về chế độ phụ cấp ưu đãi nhà giáo vào sổ đóng Bảo hiểm xã hội cho ông từ ngày 01/10/2008 đến nay và thực hiện nghĩa vụ về mức đóng của 45% ưu đãi nhà giáo cho Bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội.

7. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải trả tiền đi phép hàng năm từ năm 2008 đến nay là 09 năm với tổng số tiền 45.000.000 đồng.

8. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải trả lại tiền làm đề thi và đáp án thi của bộ môn Nhà nước và Pháp luật từ năm 2000 - 2009 với số tiền 106.000.000 đồng.

9. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị giảm sút từ năm 2008 đến nay 120 tháng với số tiền 1.200.000.000 đồng.

10. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải trả lại các khoản thu từ kinh tế tự chủ, tự kết toán, nguồn thu từ các lớp liên kết và nguồn thu hoa hồng 5% được các Trường Trung ương, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ chí Minh trích lại cho trường, về việc bán sách giáo khoa cho học viên cùng các nguồn thu cho thuê bãi giữ xe, căn tin, 8 kiốt, 20 - 25% từ thu nhập giảng dạy... từ năm 2015 đến nay là 60.000.000 đồng và trước đó từ năm 1995 - 2012 là 340.000.000 đồng với tổng số tiền 400.000.000 đồng.

11. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải bồi thường tổn thất tinh thần cho ông từ năm 2008 đến nay là 2.000.000.000 đồng; chi phí khắc phục thiệt hại là 200.000.000 đồng; thiệt hại thu nhập thực tế bị mất là 500.000.000 đồng. Cộng 2.700.000.000 đồng.

12. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải trả lại 50% lương cơ bản cho ông từ năm 2009 - 2012 là 48 tháng với số tiền 137.440.800 đồng.

13. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải thực hiện hệ số lương 5.08 cho ông từ ngày 01/01/2014 và phụ cấp thâm niên giáo dục năm 2011 là 27%, năm 2012 là 28%, năm 2013 là 29%, năm 2014 là 30%, năm 2015 là 31%, năm 2016 là 32%. Đến nay năm 2017 là 33%.

14. Buộc Trường Chính trị Đ tỉnh A phải xin lỗi, cải chính công khai bằng văn bản gửi cho ông và thông báo toàn Trường Chính trị Đ tỉnh A về việc ông bị đình chỉ công tác, sa thải là do lỗi của Trường.

Đồng thời, tại phiên tòa ông Lê Văn N có gửi đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung khẩn cấp ngày 07/01/2021, với nội dung yêu cầu:

1. Buộc Trường Chính trị Đ A bồi thường (trả lại) về việc trường cố ý giữ lại 50% tương đương của ông từ năm 2008 đến năm 2014 (07 năm) là 84 tháng với số tiền là 721.520.000 đồng. Căn cứ Điều 54 Luật Viên chức, Điều 129 Bộ luật Lao động 2012, Điều 128 Bộ luật Lao động được sửa đổi, bổ sung năm 2019 và Điều 22 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Cụ thể như sau:

- Lương:

+ Mã số ngạch 1.511.1 (1.150.000 đồng) x bậc 9 (4.98) = 5.727.000 đồng/tháng

+ 5.727.000 đồng/tháng – 50% lương cơ bản (2.863.350 đồng) = 2.863.350 đồng

+ 2.863.350 đồng x 84 tháng = 240.520.000 đồng

- Lãi suất do trường trả chậm theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015: 240.520.000 đồng x 20%/1 năm x 10 năm = 481.000.000 đồng.

Cộng hai khoản: 240.520.000 + 481.000.000 đồng = 721.520.000 đồng

2. Buộc Trường Chính trị Đ phải trả tiền lương từ ngày 01/6/2015 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trước tiên tính đến thời điểm ngày xét xử sơ thẩm là 68 tháng với số tiền 687.100.000 đồng và tiền lãi do tiền trả chậm theo quy định tại Điều 468 BLDS: 412.260 đồng. Tổng cộng 1.099.360 đồng. Cụ thể như sau Tổng tiền lương là 7.216.020 đồng (theo bản lương tháng 5 năm 2015 mà Trường Chính trị Đ đã cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố X đã có trong vụ án.

- Theo Nghị quyết của Quốc Hội cộng thêm 8%/năm từ ngày 01/2015 x5 năm (2015 - 2019) là 40%: 7.216.020 đồng x 40% = 2.886.400 đồng. Tổng cộng 10.104.420 đồng x 68 tháng = 687.100.000 đồng.

- Tiền lãi theo quy định tại 468 BLDS: 687.100.000 đồng x 20%/năm x 3 năm = 412.260.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản: 1.099.360.000 đồng.

3. Buộc Trường Chính trị Đ phải bồi thường thiệt hại do thu nhập thực tế bị giảm sút từ 1995 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là 300 tháng với số tiền là

3.000.000.000 đồng (300 tháng x 10.000.000 đồng/tháng), các lý do cụ thể đã được nêu rõ tại đơn khởi kiện ghi ngày 09/7/2020,... xin được bảo lưu ý kiến các lý do để đưa ra yêu cầu này.

Đối với số tiền chế độ 97.000.000 đồng do Trường Chính trị Đ trình bày thì ông không đồng ý do sự việc kéo dài và ông đang tố cáo khởi kiện đối với quyết định cho thôi việc khi ông đang điều trị bệnh là ban hành trái pháp luật và không đúng nội dung vụ việc, đây là số tiền nhỏ ông đã đeo đẳng theo vụ kiện kéo dài từ năm này sang năm nọ nhưng việc Trường cố tình không thu hồi các quyết định của Trường làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông rất lớn. Tổng cộng tất cả các khoản yêu cầu khởi kiện mà ông đưa ra buộc Trường Chính trị Đ giải quyết các chế độ lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ hưu trí ... với tổng số tiền là 20 tỷ đồng.

Bị đơn Trường Chính trị Đ do ông Hứa Hoàng C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trường Chính trị Đ có quá trình sử dụng lao động là ông Lê Văn N, nguyên giáo viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, nhưng do ông N thiếu tu dưỡng, rèn luyện trong công tác và lối sống nên có nhiều vi phạm liên tục, đã chịu xử lý kỷ luật đảng viên và viên chức, không còn đủ tư cách giảng viên Trường Chính trị Đ. Mặc dù nhà trường đã hết sức chiều cố cho ông N tự nguyện chuyển công tác, nhưng ông N không có thiện chí.

Căn cứ Điều 29 Luật Viên chức, Trường Chính trị Đ ra Quyết định số: 141/QĐ.TCT ngày 25/5/2015 cho ông Lê Văn N thôi việc là phù hợp và có sự chiều cố, mà không phải ra quyết định sa thải.

Các căn cứ ban hành Quyết định cho thôi việc là viên chức có hai năm liên tiếp bị phân loại, đánh giá ở mức độ không hoàn thành nhiệm vụ theo điểm a, khoản 1, Điều 29 Luật Viên chức.

Năm 2013, ông Lê Văn N không được xếp loại vì vi phạm tư cách đảng viên, giảng viên đang trong thời điểm chấp hành kỷ luật.

Năm 2014, ông Lê Văn N tiếp tục bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

Do đó, Quyết định số: 141/QĐ.TCT ngày 25/5/2015 cho ông N thôi việc là hoàn toàn có lý, có tình, vì không xử lý buộc thôi việc. Những yêu cầu của ông Lê Văn N đối với Trường Chính trị Đ là không có cơ sở nên Trường Chính trị Đ không chấp nhận. Tuy nhiên, đối với chế độ chính sách căn cứ bảng kê chi tiết chế độ thôi việc ngày 27/5/2015 thì Trường Chính trị Đ đã có khoản chi cụ thể cho ông N được nhận theo chế độ thôi việc là 97.416.270 đồng, vì sự việc kéo dài nên hồ sơ tài chính phải xếp lại và ông N chưa nhận số tiền này, khi vụ án được giải quyết dứt điểm Trường Chính trị Đ sẽ làm lại hồ sơ mới đề nghị cấp kinh phí quyết toán số tiền này cho ông N, các thủ tục xong trường sẽ thông báo để ông N đến nhận.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2021/LĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N đối với Trường Chính trị Đ.

[2] Trường Chính trị Đ có trách nhiệm chi trả chế độ thôi việc cho ông Lê Văn N số tiền 97.416.270 đồng (Chín mươi bảy triệu bốn trăm mười sáu nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo của ông Lê Văn N, kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề bao gồm:

1. Đề nghị sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2021/LĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A.

2. Tuyên hủy bỏ Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT ngày 25/5/2015 của Trường Chính trị Đ tỉnh A; Tuyên vô hiệu Thông báo số: 37/TB.TCT.TĐT ngày 07/4/2014 do ông Hồ N Trường – Phó Hiệu trưởng (hiện nay là Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A) ký và Quyết định số: 560 ngày 25/12/2012 do ông Đỗ Thanh N nguyên Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ tỉnh A ký và phải khôi phục mọi quyền, lợi ích hợp pháp cho ông N.

3. Đề nghị tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bị đơn (Trường Chính trị Đ tỉnh A) phải khôi phục mọi quyền, lợi ích hợp pháp cho ông N và bồi thường đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số: 01/2021/LĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A.

2. Bị đơn Trường Chính trị Đ do ông Hứa Hoàng C là đại diện theo ủy quyền trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N, đồng ý với bản án sơ thẩm bởi vì: Trường Chính trị Đ ban ngày Quyết định số: 141/QĐ.TCT ngày 25/5/2015 là đúng theo Luật Viên chức. Vụ án tranh chấp lao động chỉ xem xét Quyết định cho thôi việc, liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Ông N yêu cầu trả, bồi thường thiệt hại các khoản tiền không thuộc trường hợp giải quyết trong vụ án lao động và không có cơ sở. Quyết định số: 141/QĐ.TCT ngày 25/5/2015 của Trường Chính trị Đ được ban hành đúng luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu:

3.1. Ông Trương Vinh Q phát biểu: Lập luận dẫn chứng các căn cứ pháp lý cho rằng Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT ngày 25/5/2015 của Trường Chính

trị Đ tỉnh A là trái pháp luật vì Trường Chính trị Đ tỉnh A xác định ông Lê Văn N là viên chức, áp dụng Luật Viên chức năm 2010 là không đúng đối tượng, không đúng pháp luật và Trường Chính trị Đ xếp loại ông N hai năm liên (2013 và 2014) không hoàn thành nhiệm vụ, nên căn cứ Điều 29 Luật Viên chức cho thôi việc là trái pháp luật về hình thức, nội dung và không đúng sự thật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N.

3.2. Ông Phạm Thành Đ phát biểu: Luật sư đồng nghiệp đã viện dẫn đầy đủ tính pháp lý để đề nghị hủy Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT ngày 25/5/2015 của Trường Chính trị Đ. Về nguyên nhân ông N bị xử lý xuất phát từ việc khiếu nại về đất đai, nhưng qua quá trình giải quyết ông N không vi phạm, ông N không sai nhưng Trường Chính trị vẫn giữ 50% lương của ông N là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông N.

3.3. Ông Đinh Quang K phát biểu: Ông N là công chức hay viên chức thì khi vi phạm đều phải xử lý theo quy định của pháp luật. Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT ngày 25/5/2015 cho ông N thôi việc là vi phạm pháp luật vì khi ban hành Quyết định ông N đang bị bệnh. Trường chính trị cho rằng ông N hai năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ là chưa đúng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT ngày 25/5/2015 của Trường Chính trị Đ và phục hồi các quyền lợi cho ông N.

3.4. Ông Huỳnh Văn B phát biểu: Quyết định số: 560 ngày 25/12/2012 của Trường Chính trị Đ là không đúng vì người ký Quyết định là ông Đỗ Thanh N đã chuyển công tác trước đó. Còn Thông báo số: 37 ngày 07/4/2014 của Trường Chính trị Đ đã bị vô hiệu hóa bằng Quyết định số: 181 của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy là thay đổi hình thức kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng bằng hình thức cảnh cáo đối với ông N, nhưng Trường Chính trị Đ vẫn căn cứ vào Thông báo số: 37 ngày 07/4/2014 để ban hành Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT là không đúng. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về nội dung và hình thức của Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

3.5. Ông Trần Đức N phát biểu: Thống nhất với các ý kiến của các Luật sư đồng nghiệp. Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT của Trường Chính trị Đ chưa đúng vì ông N là giảng viên nhưng cho ông N thôi việc chưa có ý kiến của cơ quan chủ quản cấp trên là UBND tỉnh A. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT và bồi thường các quyền lợi cho ông N.

3.6. Ông Lê Xuân T phát biểu: Thống nhất với quan điểm của các Luật sư đồng nghiệp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ ông N là công chức hay viên chức. Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT ngày 25/5/2015 ban hành không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT ngày 25/5/2015 và khôi phục mọi quyền lợi cho ông N.

3.7. Ông Lê Văn N trình bày: Thống nhất với các ý kiến tranh luận của các Luật sư.

4. Đại diện Viện kiểm sát trình bày:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Trường Chính trị Đ ban ngày Quyết định số: 141 ngày 25/5/2015 đề cho ông Lê Văn N thôi việc là vi phạm về hình thức và nội dung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số: 141/QĐ.TCT.TĐT ngày 25/5/2015 của Trường Chính trị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn N kháng cáo trong hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N và chứng cứ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình công tác tại Trường Chính trị Đ ông Lê Văn N có vi phạm nên Đảng ủy Trường Chính trị Đ xử lý kỷ luật đối với ông N bằng hình thức cảnh cáo, theo Quyết định số: 18/QĐ-ĐU ngày 19/8/2009 và Quyết định này được Đảng ủy Khối Dân chính Đảng chuẩn y bằng Quyết định số: 01-QĐ/UBKT ĐUK ngày 19/5/2010.

Ngày 10/7/2012, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối ban hành Quyết định số: 2385-QĐ/ĐUK về việc thay đổi hình thức kỷ luật cảnh cáo bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng đối với ông Lê Văn N, với các nội dung vi phạm như: Ông Lê Văn N có hành vi gian dối trong việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, tự ý san lấp mặt bằng trên đất lúa chuyên dùng để phân lô bán nền cho người khác khi chưa chuyển mục đích sử dụng,... vi phạm các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng đất đai (theo kết luận số: 506/KL-UBND ngày 16/4/2012 của UBND thành phố X). Trong quá trình làm công tác giảng dạy đồng chí có những tác phong, ngôn phong thiếu chuẩn mực, xúc phạm người khác, vi phạm phẩm chất đạo đức của người giáo viên. Không tự giác nhận khuyết điểm về vi phạm của mình mà còn quanh co che giấu vi phạm. Các cấp thẩm quyền đang xem xét khiếu nại kỷ luật, đồng chí đã không chấp hành kỷ luật mà còn có đơn khiếu nại, tố cáo vượt cấp lên tỉnh và trung ương, xúc phạm đến nhiều cấp lãnh đạo.

Sau khi ông N bị khai trừ ra khỏi Đảng, Trường Chính trị Đ căn cứ vào khoản 1, Điều 3: “Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ chế độ làm việc của giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” ban hành kèm theo Quyết định số: 268/QĐ-HVCT-HCQG ngày 03/02/2010 của Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh để ban hành Quyết định số: 560/QĐ-TCTTĐT ngày 25/12/2012 đình chỉ công việc giảng viên đối với ông N, Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2013.

Trong hai năm liên tiếp (2013- 2014) ông N bị đánh giá, phân loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ, thể hiện tại Biên bản họp của Ban giám hiệu đánh giá, phân loại viên chức năm 2013 của Trường Chính trị Đ (BL 2039- 2041) và

Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại CCVC năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ (BL 2044 - 2045).

Ngày 27/02/2014, Trường Chính trị Đ có cuộc họp trao đổi với ông N về hướng sắp xếp, bố trí công tác sắp tới, do không bố trí được công tác cho ông N nên động viên ông N xin nghỉ việc, nhưng ông N không đồng ý.

Ngày 07/4/2014, Trường Chính trị Đ ban hành Thông báo số: 37/TB-TCTTĐT gửi ông N đề nghị ông N tìm việc làm mới trong thời hạn 03 tháng (15/4/2014 đến 15/7/2014), sau thời hạn này Trường sẽ quyết định tinh giản biên chế đối với ông N.

Ngày 25/5/2015, Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ ban hành Quyết định số: 141/QĐ.TCT về việc cho viên chức thôi việc đối với ông Lê Văn N.

Qua hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lê Văn N bị khai trừ ra khỏi Đảng cộng sản Việt Nam bằng Quyết định số: 2385-QĐ/ĐUK ngày 10/7/2012 của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối dân chính Đảng, Quyết định này ông N có quyền khiếu nại nhưng ông phải chấp hành Quyết định, xem như thời điểm ban hành Quyết định ông N không còn là Đảng viên. Trường Chính trị Đ căn cứ vào khoản 1, Điều 3: “Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ chế độ làm việc của giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” ban hành kèm theo Quyết định số: 268/QĐ-HVCT-HCQG ngày 03/02/2010 của Giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh để ban hành Quyết định số: 560/QĐ-TCTTĐT ngày 25/12/2012 đình chỉ công việc giảng viên đối với ông N là có cơ sở.

Đối với Quyết định số: 141/QĐ.TCT của Trường Chính trị Đ trước khi ban hành đã có cuộc họp trao đổi với ông N, động viên ông N xin nghỉ việc nhưng ông N không đồng ý. Trường Chính trị Đ đã thông báo cho ông N biết ông không phải là đảng viên nên không đủ tiêu chuẩn làm giảng viên và 03 phòng chức năng của trường hiện đã đủ vị trí việc làm, không có nhu cầu tăng biên chế, Ban giám hiệu trường đã cho ông N 03 tháng để tìm việc làm là phù hợp với Điều 38 Bộ luật Lao động.

Tại phiên tòa ông N và các Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông N đều cho rằng quy trình, thủ tục đánh giá, phân loại viên chức năm 2013 và 2014 đối với ông N là sai, trái quy định pháp luật về hình thức và nội dung. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hồ sơ vụ án có biên bản họp xét thi đua lúc 16 giờ ngày 22/12/2013 của khoa Nhà nước và Pháp luật (BL 1735). Biên bản họp Ban giám hiệu đánh giá, phân loại viên chức năm 2013 của Trường Chính trị Đ, tại phần B của biên bản (BL 2040) thể hiện: Phó phòng, khoa và viên chức không giữ chức vụ, Viên chức bị kỷ luật (kể cả kỷ luật Đảng trong năm 2013) thống nhất phân loại không hoàn thành nhiệm vụ. Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại CCVC năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Chính trị Đ (BL 2045), tại mục D của Thông báo ông Lê Văn N được đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ. Cho thấy Ban giám hiệu Trường Chính trị Đ có tổ chức đánh giá, phân loại viên chức hàng năm đúng theo quy định, còn kết quả đánh giá, phân loại viên chức ban giám hiệu trường chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của kết

quả đánh giá, phân loại viên chức. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N xác định việc Trường Chính trị hợp xét đánh giá, phân loại ông ở mức không hoàn thành nhiệm vụ để ban hành quyết định là không phù hợp, ông có khiếu nại đến Ban giám hiệu trường và Tỉnh ủy nhưng không được trả lời hay giải quyết. Cho thấy Ban giám hiệu Trường Chính trị Đ hàng năm đều có tổ chức đánh giá, phân loại viên chức và công khai kết quả phân loại theo quy định.

Ông N và các Luật sư còn cho rằng Quyết định số: 141/QĐ.TCT ngày 25/5/2015 của Trường Chính trị Đ là trái pháp luật vì thời điểm Trường Chính trị ban hành Quyết định ông N bị bệnh phải nằm viện là vi phạm điểm a, khoản 3, Điều 29 Luật Viên chức. Còn Điều 29 Luật Viên chức chỉ quy định các trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, không có quy định về việc “thôi việc” nhưng tại Điều 1 của Quyết định số: 141/QĐ.TCT nêu “Ông Lê Văn N, viên chức Khoa Nhà nước và Pháp luật thôi việc kể từ ngày 01/6/2015” nên Quyết định này là trái quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông N không có chứng cứ chứng minh tại thời điểm Trường Chính trị ban hành Quyết định ông đang trị bệnh theo Quyết định của cơ sở chữa bệnh và chứng minh Trường Chính trị biết được ông đang điều trị bệnh theo quyết định của cơ sở chữa bệnh.

Đối với việc cho ông N thôi việc, Hội đồng xét xử xét thấy tại khoản 1, Điều 52 Luật Viên chức quy định: “Viên chức vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức và buộc thôi việc”. Ông N đã bị kỷ luật Đảng, hai năm liền không hoàn thành nhiệm vụ, căn cứ Điều 38, Mục 5 Nghị định số: 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ thì trường hợp của ông N không thuộc trường hợp được giải quyết cho thôi việc để hưởng chế độ thôi việc. Tuy nhiên theo trình bày của đại diện Trường Chính trị Đ vì muốn vụ việc giải quyết có lý, có tình nên đã giải quyết cho thôi việc đối với ông N mà không giải quyết buộc thôi việc là có lợi cho viên chức “ông Ngọc”.

Đối với các nội dung ông N yêu cầu Trường Chính trị Đ phải trả và bồi thường tổng số tiền là 20 tỷ đồng. Tại phiên tòa ông N xác định các khoản tiền ông yêu cầu trước đây ông đã khiếu nại đến Ban giám hiệu, Tỉnh ủy và Trung ương nhưng không được giải quyết. Hơn nữa ông N không cung cấp được chứng cứ chứng minh từng khoản tiền ông yêu cầu.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của ông Lê Văn N, ý kiến của các Luật sư và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là không có cơ sở để xem xét, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy theo điểm a, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Lê Văn N được miễn.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn N.

Phúc xử:

Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2021/LĐ-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N đối với Trường Chính trị Đ.

2. Trường Chính trị Đ có trách nhiệm chi trả chế độ thôi việc cho ông Lê Văn N số tiền 97.416.270 đồng (Chín mươi bảy triệu bốn trăm mười sáu nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Lê Văn N được miễn.

3.2. Trường Chính trị Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

3.3. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Lê Văn N được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lưu Hữu Giàu

